

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần

(Tiếp theo Công báo số 631 + 632)

Phụ lục số 9

QUY CHẾ MẪU

VỀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN GIỮA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) giữa các nhà đầu tư chiến lược được thực hiện qua... (tên Sở Giao dịch chứng khoán) sau khi bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp cổ phần hóa* là... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa).
2. *Nhà đầu tư chiến lược* là tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do

doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP);

3. *Bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược* là việc bán cổ phần của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) cho các nhà đầu tư chiến lược có sự cạnh tranh về giá.

4. *Cơ quan quyết định cổ phần hóa* là... (tên cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa).

5. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là... (tên cơ quan đại diện chủ sở hữu).

6. *Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần* là... (tên Sở Giao dịch chứng khoán).

7. *Tổ chức tư vấn bán cổ phần* là... (tên tổ chức tư vấn bán cổ phần).

8. *Hội đồng bán đấu giá cổ phần* là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa, đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa hoặc thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền bằng văn bản.

9. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng.

10. *Giá khởi điểm bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng Việt Nam).

11. *Bước giá* là khoảng cách giá giữa các lần đặt mua liên tiếp kể từ giá khởi điểm.

12. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp.

13. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá.

14. Ngày kết thúc cuộc đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược là ngày nhập xong các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư chiến lược vào hệ thống và xác định được kết quả đấu giá.

15. Ngày kết thúc việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là ngày cuối cùng nhà đầu tư chiến lược thanh toán tiền mua cổ phần.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chỉ đạo cổ phần hóa

1. Gửi Đơn đăng ký tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược cho Sở giao dịch chứng khoán kèm theo Quyết định phê duyệt danh sách các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần và các tài liệu liên quan đến việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược;

2. Ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cổ phần hóa ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá với Sở giao dịch chứng khoán;

3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;

4. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến cổ phần hóa và việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Trường hợp Ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền cho tổ chức tư vấn bán cổ phần soạn thảo các tài liệu công bố thông tin thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của tài liệu công bố thông tin;

5. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo Điều 8 Quy chế này;

6. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán thuyết trình về doanh nghiệp cổ phần hóa cho các nhà đầu tư (nếu cần);

7. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

8. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo khoản 4 Điều 15 Quy chế này;

9. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán công bố kết quả đấu giá ngay sau khi ký Biên bản xác định kết quả đấu giá;

10. Chỉ đạo doanh nghiệp cổ phần hóa hoàn trả tiền đặt cọc hoặc thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;

11. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Hội đồng bán đấu giá hoạt động và đưa ra quyết định theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội đồng bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền.

2. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá cổ phần theo quy định;

3. Kiểm tra tính hợp lệ của hòm phiếu và phiếu tham dự đấu giá;

4. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

5. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược khoản 4 Điều 15 Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp và các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trước khi bán cổ phần;

3. Nhận tiền đặt cọc, thư xác nhận của tổ chức tín dụng về việc nhà đầu tư ký quỹ hoặc có bảo lãnh để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC;

4. Thực hiện công bố thông tin theo Điều 8 Quy chế này;
5. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo khoản 4 Điều 15 Quy chế này;
6. Lưu trữ Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư chiến lược sau khi hoàn thành đợt đấu giá;
7. Hoàn trả tiền đặt cọc, thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần theo quy định;
8. Nhận tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá theo Điều 17 Quy chế này. Tổng hợp và báo cáo kết quả thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa theo quy định;
9. Chuyển tiền thu từ việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC;
10. Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, hoàn tất ký hợp đồng cam kết chính thức với các nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá;

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở giao dịch chứng khoán

1. Yêu cầu Ban chỉ đạo cổ phần hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về cổ phần hóa và việc bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định;
2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;
3. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và Quy chế bán đấu giá cổ phần;
4. Thông báo với Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa về thời gian, địa điểm tổ chức bán đấu giá;
5. Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 8 Quy chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cung cấp thì Sở giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định pháp luật;

6. Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo danh sách nhà đầu tư chiến lược được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, kiểm tra thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, nhập các thông tin đăng ký mua của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, Sở giao dịch chứng khoán phải thông báo cho nhà đầu tư và doanh nghiệp cổ phần hóa;

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin nhập vào hệ thống đấu giá theo hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư;

8. Tiếp nhận phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư;

9. Giải thích những nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá khi nhà đầu tư thắc mắc trong thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá;

10. Thông báo công khai tại trụ sở và công bố thông tin trên website của Sở giao dịch chứng khoán về tổng số nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá và tổng số cổ phần đăng ký mua chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá;

11. Tổ chức thực hiện việc đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;

12. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo khoản 4 Điều 15 Quy chế này;

13. Phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa công bố kết quả đấu giá cổ phần ngay sau khi ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược;

14. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

15. Thông báo và gửi kết quả đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược theo Điều 16 Quy chế này;

16. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược;

17. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp cổ phần hóa và việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo quy định;

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần cho Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục số 7a hoặc Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC và nhận Phiếu tham dự đấu giá theo Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này;

3. Thực hiện một trong các hình thức nộp tiền đặt cọc, ký quỹ hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định pháp luật với giá trị bằng 20% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm trong phương án cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC;

4. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

5. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc từ doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc đề nghị doanh nghiệp thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh trong trường hợp nhà đầu tư ký quỹ hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo quy định;

6. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;

7. Tuân thủ các nội dung tại Quy chế đấu giá này.

8. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan khi tham gia đấu giá mua cổ phần.

Điều 8. Công bố thông tin về việc bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa thông báo tới các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần về kế hoạch tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược trước khi tổ chức đấu giá tối thiểu một (1) tháng.

2. Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa

và việc bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược chậm nhất một (1) tháng trước ngày tổ chức đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa theo Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC, bao gồm cả bản tiếng Anh;

- Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa;

- Dự thảo điều lệ của công ty cổ phần;

- Mẫu Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo Phụ lục số 7a, Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC, bao gồm cả bản tiếng Anh;

- Quy chế bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược;

- Các thông tin liên quan khác đến cuộc đấu giá theo quy định.

b) Địa điểm công bố thông tin:

- Sở giao dịch chứng khoán:... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

+ Địa chỉ:... (nêu địa chỉ);

+ Website:... (tên website).

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu:... (tên cơ quan đại diện chủ sở hữu)

+ Địa chỉ:... (nêu địa chỉ);

+ Website:... (tên website).

- Doanh nghiệp cổ phần hóa:... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa)

+ Địa chỉ:... (nêu địa chỉ);

+ Website:... (tên website).

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ:

+ Địa chỉ:... (nêu địa chỉ);

+ Website:... (tên website).

- Địa chỉ và tên các website công bố thông tin khác (nếu có):....

Điều 9. Đối tượng tham gia đấu giá

1. Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tên trong danh sách các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt;

b) Đối với nhà đầu tư trong nước: là các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; có tư cách pháp nhân; có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ cụ thể, rõ ràng. Nếu người đại diện tham gia đấu giá không phải là người đại diện theo pháp luật thì phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Quy chế này;

c) Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

- Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

- Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

- Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

2. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, bao gồm:

a) Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, Tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp (trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

d) Sở giao dịch chứng khoán và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

đ) Người có liên quan theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2020 của tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này.

Điều 10. Các thông tin cơ bản về phương án bán cổ phần

Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán xác định:

1. Số lượng cổ phần đấu giá:... cổ phần;
2. Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần;
3. Giá khởi điểm:... đồng/cổ phần;
4. Bước giá:... đồng;
5. Bước khối lượng:...;
6. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua:...;
7. Số mức giá:....

Điều 11. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá

1. Nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần: Nhà đầu tư nhận hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

2. Nộp Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần:

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký và xuất trình kèm theo các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nhận ủy quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với tổ chức trong nước phải xuất trình:

- Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối;

- Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Nộp tiền đặt cọc, ký quỹ

a) Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 20% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm của cuộc đấu giá công khai trong phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt vào tài khoản tiền thu từ cổ phần của doanh nghiệp hoặc hoàn thành việc ký quỹ, có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước... giờ... phút ngày... tháng... năm... (tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược);

Tỷ giá để tính giá trị đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp cổ phần hóa mở tài khoản ngoại tệ và tại ngày nhà đầu tư đặt cọc, ký quỹ;

b) Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký: Từ... giờ... phút ngày... tháng... năm... đến... giờ... phút ngày... tháng... năm...;

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký:... (nội dung bao gồm tên, địa chỉ của Sở giao dịch chứng khoán);

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá.

4. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi thông tin đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp sửa đổi thông tin, nhà đầu tư phải làm Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Quy chế này gửi Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 12. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Sở giao dịch chứng khoán cấp, có đóng dấu treo của Sở giao dịch chứng khoán và đảm bảo điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xóa hoặc rách, nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá theo quy định; nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ được xác định là có giá trị; tổng số cổ phần đặt mua phải bằng khối lượng đã đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán: Chậm nhất... giờ... phút ngày... tháng... năm...;

- Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Sở giao dịch chứng khoán: Chậm nhất... giờ... phút ngày... tháng... năm...;

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Sở giao dịch chứng khoán ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa hoặc nhà đầu tư mất Phiếu tham dự đấu giá: Nhà đầu tư phải làm Đơn đề nghị cấp lại Phiếu tham dự đấu giá theo Mẫu số 04 Quy chế này để đề nghị Sở giao dịch chứng khoán cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 13. Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:... (tên Sở Giao dịch chứng khoán), địa chỉ:....;

2. Thời gian tổ chức đấu giá:... giờ... phút ngày... tháng... năm....

Điều 14. Xem xét điều kiện tổ chức đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Sở giao dịch chứng khoán kiểm tra và xác định rõ:

a) Danh sách nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá;

b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá.

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 15. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm Phiếu tham dự đấu giá, đại diện Hội đồng bán đấu giá công bố những thông tin chủ yếu như:

a) Tên doanh nghiệp cổ phần hóa, vốn điều lệ dự kiến, kết quả bán đấu giá cổ phần công khai, số lượng cổ phần bán đấu giá giữa nhà đầu tư chiến lược, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;

b) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu;

c) Giải thích về những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá: Đến thời điểm đấu giá, Sở giao dịch chứng khoán nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần.

3. Xác định kết quả đấu giá

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC như sau:

a) Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm. Giá bán là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó.

b) Tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, trường hợp các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\text{Số cổ phần nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số cổ phần còn lại chào bán} \times \frac{\text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua}}}{1}$$

Trường hợp phát sinh số cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

c) Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá theo mẫu tại Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC. Các thành viên Hội đồng bán đấu giá xem xét và đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá.

Điều 16. Thông báo kết quả đấu giá

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán công bố kết quả đấu giá ngay sau khi ký Biên bản xác định kết quả đấu giá và thông báo trên các website của doanh nghiệp cổ phần hóa, Sở giao dịch chứng khoán, Tổ chức tư vấn bán cổ phần (nếu có).

2. Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư đăng ký nhận kết quả qua đường bưu điện (gửi bảo đảm), Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư theo đường bưu điện (theo thông tin nhà đầu tư đã đăng ký) trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

Điều 17. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá cổ phần.

2. Tiền đặt cọc bằng đồng Việt Nam được trừ vào tổng số tiền phải thanh toán mua cổ phần. Trường hợp số tiền đặt cọc lớn hơn số tiền phải thanh toán, nhà đầu tư được hoàn trả lại phần chênh lệch trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn các nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần.

Tiền đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ không được trừ vào tổng số tiền các nhà đầu tư nước ngoài phải thanh toán. Tổ chức thực hiện bán đấu giá/doanh nghiệp cổ

phần hóa (trường hợp đặt cọc) hoặc tổ chức tín dụng (trường hợp ký quỹ) sẽ hoàn trả cho nhà đầu tư nước ngoài sau khi nhà đầu tư nước ngoài hoàn tất việc nộp tiền mua số cổ phần trúng đấu giá bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần:

Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp theo thông tin như sau:

- Tên tài khoản:.....;
- Số tài khoản:.....;
- Tại Ngân hàng:.....;
- Nội dung nộp tiền/chuyển tiền:.....;

4. Doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển tiền thu từ việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

Điều 18. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được hoàn trả tiền đặt cọc hoặc doanh nghiệp yêu cầu tổ chức tín dụng nhận ký quỹ, nhận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần tương ứng:

- a) Không nộp Phiếu tham dự đấu giá;
- b) Phiếu tham dự đấu giá không hợp lệ theo khoản 1 Điều 12 Quy chế này;
- c) Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- d) Đăng ký nhưng không đặt mua;
- đ) Trả giá thấp hơn so với giá khởi điểm;
- e) Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá, nhà đầu tư sẽ không được hoàn trả tiền đặt cọc hoặc doanh nghiệp yêu cầu tổ chức tín dụng nhận ký quỹ, nhận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng đấu

giá của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá cổ phần xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 19. Xử lý số cổ phần không bán hết trong cuộc đấu giá

1. Trường hợp không bán hết số cổ phần chào bán của cuộc đấu giá

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định số cổ phần không bán hết, Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Trường hợp cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công, Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 20. Xử lý tiền đặt cọc và các khoản ký quỹ, bảo lãnh để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc hoặc thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh cho nhà đầu tư cho nhà đầu tư có tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

2. Nhà đầu tư nước ngoài đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ được hoàn trả bằng ngoại tệ;

3. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Sở Giao dịch chứng khoán và doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

4. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn trả do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo khoản 1 Điều 18 Quy chế này, doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

Điều 21. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư về trình tự, thủ tục bán đấu giá cổ phần (nếu có) phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Hội đồng đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Sở giao dịch chứng khoán không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

...
...

Người có thẩm quyền ban hành quy chế
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01 - Phiếu tham dự đấu giá**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Mã số:... (Do Hội đồng bán đấu giá cổ phần cấp)**PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

Tên tổ chức:.....

Số ĐKKD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Số tài khoản:..... Mở tại:.....

Số cổ phần đăng ký mua:.....

Giá khởi điểm:.....

Ngày tổ chức đấu giá:.....

Số tiền đặt cọc đã nộp:..... (Bằng chữ:.....) hoặc thông tin liên quan đến việc ký quỹ, có bảo lãnh của tổ chức tín dụng:..... (giá trị khoản ký quỹ, bảo lãnh; thời hạn hiệu lực)

Ngày đặt cọc/ký quỹ/bảo lãnh:.....

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa),... (tên tổ chức tham gia đấu giá) đồng ý đấu giá mua cổ phần đã đăng ký với mức giá như sau:

STT lệnh	Mức giá đặt mua		Khối lượng cổ phần đặt mua
	Bằng số	Bằng chữ	
1...			
2...			
Tổng số:			

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Người đại diện ký, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 02 - Giấy ủy quyền**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

GIẤY ỦY QUYỀNKính gửi: Hội đồng bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược của...
(tên doanh nghiệp cổ phần hóa) tại... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

Tên tổ chức:.....

Số ĐKKD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Người đại diện:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp đấu giá cổ phần của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) được tổ chức vào ngày... tại... (tên Sở Giao dịch chứng khoán), nay tôi:

ỦY QUYỀN CHO

Ông(Bà):.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Thay mặt tôi tham gia đấu giá cổ phần của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa), bao gồm các công việc sau:

1. Làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá (điền thông tin và ký nhận vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần, nộp tiền đặt cọc/ký quỹ/bảo lãnh và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá).

2. Ghi giá, khối lượng, ký nhận vào Phiếu tham dự đấu giá và trực tiếp tham gia phiên đấu giá.

Ông (Bà)..... có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa), không được ủy quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký họ tên và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 03 - Đơn đề nghị sửa đổi thông tin đăng ký tham gia đấu giá**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

Tên tổ chức:.....

Số ĐKKD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

(Tên tổ chức tham gia đấu giá) đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) tại... (tên Sở Giao dịch chứng khoán).

Nay (tên tổ chức tham gia đấu giá) đề nghị sửa đổi thông tin đăng ký tham gia đấu giá như sau:.....

Lý do sửa đổi:.....

Xin chân thành cảm ơn./.

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Người đại diện ký, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp lại phiếu tham dự đấu giá**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Đại lý đấu giá Công ty chứng khoán...

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số ĐKKD:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Mã số nhà đầu tư.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....

Số tài khoản:..... Mở tại.....

Ngày... chúng tôi/tôi đã nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá cổ phần Công ty.....

Với số lượng:..... (Viết bằng chữ:.....)

Và đã đặt cọc số tiền:..... (Viết bằng chữ.....) tương đương 20% giá trị đăng ký theo giá khởi điểm.

Tại.....

Nay chúng tôi/tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

- Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,... (đính kèm theo đơn này)
- Mất phiếu tham dự đã cấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của chúng tôi/tôi thì chúng tôi/tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi/tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật.

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Phần dành cho Đại lý đấu giá/Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:

Xác nhận đã nhận đơn đề nghị của nhà đầu tư:.....

Số CMND/Căn cước công dân/(ĐKKD)..... vào lúc..... giờ..... ngày.....

NHÂN VIÊN GIAO DỊCH
(Ký, ghi họ tên)**KIỂM SOÁT**
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH NỢ TIỀN THU TỪ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
(Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần lần đầu)

Bộ, ngành, UBND các tỉnh.....
Tên doanh nghiệp cấp I:.....
Tên doanh nghiệp cấp II (đối với CPH doanh nghiệp cấp II):.....

A. Một số thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ:..... 3. Điện thoại:..... 4. Fax:.....
5. Giấy đăng ký doanh nghiệp số:..... Ngày:.....
6. Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....
7. Mã số thuế:.....
8. Quyết định phê duyệt phương án CPH của cấp có thẩm quyền: số..... ngày..... tháng..... năm.....
9. Vốn điều lệ theo phương án CPH được cấp có thẩm quyền phê duyệt:..... đồng, trong đó: vốn nhà nước/vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) góp tại doanh nghiệp cấp II:..... đồng (chiếm.....% vốn điều lệ).

B. Tiền thu từ bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp nợ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo (ngày.....)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Ngày hết hạn DN phải nộp tiền về Quỹ theo quy định	Số phải nộp			Số đã nộp			Số còn phải nộp			Ghi chú	
			Tổng số	Nợ gốc	Lãi chậm nộp	Tổng số	Nợ gốc	Lãi chậm nộp	Tổng số	Nợ gốc	Lãi chậm nộp		
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10	11	12	13=9-6	14
I	Tổng số tiền phải nộp sau khi bán cổ phần lần đầu (1+2)												
1	Phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ xác định theo quyết định phương án CPH												
2	Phải nộp từ bán cổ phần lần đầu												
2.1	Bán đấu giá công khai (sau khi tư duy toán chi phí CPH, dự toán kinh phí lao động đối dư)												
2.2	Bán theo phương thức bảo lãnh phát hành												
2.3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược												
2.4	Bán cổ phần cho người lao động, tổ chức công đoàn												
2.5	Bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư khác												
2.6	Bán theo phương thức dự số												
II	Các khoản dự kiến hoàn trả doanh nghiệp theo quy định:												
1	Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá												
2	Phần thẳng dư vốn tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ để lại cho doanh nghiệp												
3	Hoàn trả doanh nghiệp cấp I theo giá trị sổ sách và thuế phải nộp - nếu có (đối với CPH doanh nghiệp cấp II)												
III	Chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động đối dư:												
1	Chi phí cổ phần hóa												
2	Kinh phí lao động đối dư												

Ghi chú

- DN báo cáo đầy đủ các thông tin nêu tại Mục A và Mục B
- Ngày hết hạn DN phải nộp tiền về Quỹ (cột 3) nêu tại Phụ lục này thực hiện theo thời hạn quy định tại Thông tư này.
- Cột (5) và cột (8): Lãi chậm nộp tính đến thời điểm doanh nghiệp báo cáo.
- Chi tiêu chi phí CPH và kinh phí lao động đối dư theo phương án CPH đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và điền vào cột 4 "Tổng số"

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành, UBND các tỉnh....

Tên doanh nghiệp cấp I:.....

Tên doanh nghiệp cấp II (đối với CPH doanh nghiệp cấp II):.....

Phụ lục số 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH NỢ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN
(Theo số liệu doanh nghiệp tự xác định)

A. Một số thông tin về doanh nghiệp (Công ty cổ phần):

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ:..... 3. Điện thoại:..... 4. Fax:.....
5. Giấy đăng ký doanh nghiệp (cấp lần đầu) số:..... Ngày:.....
6. Số tài khoản:..... tại Ngân hàng.....
7. Mã số thuế:.....
8. Vốn điều lệ tại Giấy đăng ký doanh nghiệp:..... đồng, trong đó: vốn nhà nước/vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) tại doanh nghiệp cấp II:..... đồng (chiếm...% vốn điều lệ).

B. Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm DN được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo (ngày...)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Số tiền		Ngày DN thực hiện nộp tiền về Quỹ	Ghi chú
		Tổng số	Nợ gốc		
I	2	3	4	6	7
I	Tổng số tiền phải nộp sau khi bán cổ phần lần đầu				
II	Tổng số tiền phải nộp về Quỹ tại thời điểm CTCP có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu (tạm xác định theo Khoản 6 Điều 12, Thông tư số 32/2021/TT-BTC)				
III	Tổng số tiền doanh nghiệp phải nộp về Quỹ (I+II)				
IV	Các khoản hoàn trả doanh nghiệp theo quy định, trong đó:				
1	Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá				
2	Phần thặng dư vốn tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ để lại cho doanh nghiệp				
3	Hoàn trả doanh nghiệp cấp I theo giá trị số sách và thuế phải nộp - nếu có (đối với CPH doanh nghiệp cấp II)				
V	Số tiền doanh nghiệp đã nộp về Quỹ (Chỉ tiết theo từng nội dung nộp tiền về Quỹ)				
VI	Số tiền DN còn phải nộp về Quỹ (III-IV-V):				
VII	Chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động đối dư:				
1	Chi phí cổ phần hóa				
2	Kinh phí lao động đối dư				

Ghi chú:

- Chi tiêu "Tổng số tiền phải nộp sau khi bán cổ phần lần đầu" lấy theo số liệu tại Mục I cột 4 Phụ lục 10.
- Trường hợp tại thời điểm báo cáo Phụ lục I, DN chưa thực hiện báo cáo theo Phụ lục 10 thì đồng thời phải lập báo cáo theo cả Phụ lục 10 và Phụ lục 11
- Chi tiêu chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động đối dư, theo số liệu thực tế DN đã chi trả (trường hợp chi trả lao động đối dư báo cáo trên cơ sở quyết định của cấp thẩm quyền phê duyệt phương án lao động đối dư) và 2 chi tiêu này điền vào Cột 3.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày.....tháng.....năm....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành, UBND các tỉnh.....

Tên doanh nghiệp cấp I:.....

Tên doanh nghiệp cấp II (đối với CPH doanh nghiệp cấp II):.....

Phụ lục số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH NỢ TIỀN THU TỪ CÓ PHẦN HÓA SAU KHI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG TY CÓ PHẦN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP LẦN ĐẦU

A. Một số thông tin về doanh nghiệp:

- 1. Tên doanh nghiệp:.....
- 2. Địa chỉ:.....
- 3. Điện thoại:.....
- 4. Fax:.....
- 5. Số tài khoản:..... tại Ngân hàng.....
- 6. Mã số thuế:.....

- 7. Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp:..... đồng, trong đó: vốn nhà nước/vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) tại doanh nghiệp cấp II:..... đồng (chiếm...% vốn điều lệ).
- 8. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty có phần của cấp có thẩm quyền: số..... ngày..... tháng..... năm..... của (tên cơ quan phê duyệt)

B. Tiến thu từ có phần hóa của DN với Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Quỹ) tại thời điểm báo cáo (ngày...)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Số tiền			Ngày hết hạn DN phải nộp tiền về Quỹ theo quy định	Ngày DN thực hiện nộp tiền về Quỹ	Ghi chú
		Tổng số	Nợ gốc	Lãi chậm nộp			
1	2	3	4	5	6	7	
I	Tổng số tiền phải nộp sau khi bán có phần lần đầu						
1	Phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ xác định theo quyết định phương án CPH						
2	Phải nộp từ bán có phần lần đầu						
2.1	Bán đầu giá công khai (sau khi trừ chi phí CPH, kinh phí lao động đòi dư theo quyết toán của cấp có thẩm quyền)						
2.2	Bảo lãnh phát hành						
2.3	Bán có phần cho tổ chức công đoàn						
2.4	Bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư khác						
2.6	Bán theo phương thức đấu số						
II	Số tiền phải nộp về Quỹ tại thời điểm CTCP có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quyết toán của cấp có thẩm quyền						
III	Tổng số tiền phải nộp về Quỹ (III=II):						
IV	Các khoản phải hoàn trả lại cho doanh nghiệp theo quy định, trong đó:						
1	Giá trị tương ứng với số có phần phát hành thêm tính theo mệnh giá						
2	Phần thắng dư vốn tương ứng với số có phần phát hành thêm cơ cấu vốn điều lệ để lại cho doanh nghiệp						
3	Hoàn trả doanh nghiệp cấp I theo giá trị sổ sách và thuế phải nộp - nếu có (đối với CPH doanh nghiệp cấp II)						
V	Số tiền doanh nghiệp đã nộp về Quỹ						
	(Chỉ tiết theo từng nội dung nộp tiền về Quỹ)						
VI	Số tiền còn phải nộp về Quỹ (VI=III-IV-V)						
VII	Chi phí có phần hóa và kinh phí lao động đòi dư:						
1	Chi phí có phần hóa						
2	Kinh phí lao động đòi dư						

Ghi chú:

- Chi tiêu "Chi phí có phần hóa và kinh phí lao động đòi dư" theo quyết toán của cấp có thẩm quyền và điền vào Cột 3 "Tổng số"

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, tên, đóng dấu)